# NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

**Lê Thị Thuỳ Linh[1], Nguyễn Thị Thanh Hải[2]**

TÓM TẮT

*Nghiên cứu tập trung vào đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức, thông qua phân tích mô hình hồi quy đa biến dựa trên mẫu khảo sát 500 sinh viên. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng có ba yếu tố đã được lựa chọn có ảnh hưởng tích cực đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên chính quy tại trường. Trong số các yếu tố này, môi trường hỗ trợ sáng tạo của tổ chức được xác định là yếu tố có tác động lớn nhất đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên. Từ kết quả của nghiên cứu, chúng tôi đề xuất bốn giải pháp nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên trong thời gian tới.*

**Từ khoá:** *Năng lực đổi mới sáng tạo, nhân tố ảnh hưởng, sinh viên, Trường Đại học Hồng Đức.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đổi mới sáng tạo là một thước đo quan trọng đánh giá khả năng cạnh tranh và sự thích ứng của xã hội với thời cuộc, vì vậy bất kỳ một cá nhân nào trong nền kinh tế đều cần phải nắm bắt xu thế xã hội để thích ứng, mà trong đó sinh viên là một bộ phận quan trọng của hoạt động này. Trong bối cảnh nền kinh tế số đang có sự phát triển mạnh mẽ, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên trong các trường đại học sẽ giúp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho sinh viên, qua đó cải thiện việc học tập của sinh viên một cách bền vững nhờ những tiến bộ về công nghệ, tài chính và yếu tố xã hội của trường đại học. Đổi mới sáng tạo là việc sử dụng tri thức mới để tạo ra một dịch vụ hoặc sản phẩm mới mà khách hàng mong muốn; đổi mới sáng tạo gồm quá trình phát minh và thương mại hóa.

Đối với các trường đại học, việc phát triển năng lực đổi mới sáng tạo trở thành yếu tố quyết định về năng lực cạnh tranh của họ. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục mà còn đến khả năng của đất nước trong việc tạo ra giá trị từ tri thức và kinh tế. Sự đầu tư vào năng lực đổi mới sáng tạo sẽ giúp các trường đại học trở thành trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ứng dụng vào sản xuất, từ đó thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước.

Năm 2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố Việt Nam xếp hạng 46/132 quốc gia/nền kinh tế về Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu (GII). Việt Nam giữ vững vị thế thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á và duy trì vị trí thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp. Đáng chú ý, Việt Nam là một trong 7 quốc gia thu nhập trung bình đã đạt được sự tiến bộ đáng kể nhất trong lĩnh vực Đổi mới sáng tạo trong thập kỷ qua. Việc nâng

[1] *Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức*

[2] *Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, Trường Đại học Hồng Đức;*

*Email: nguyenthithanhhai@hdu.edu.vn*

cao năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên sẽ giúp họ có thể tham gia vào thị trường lao động một cách hiệu quả đồng thời tạo ra điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của kinh tế Việt Nam trong tương lai.

Trường Đại học Hồng Đức là một trường đại học địa phương với sứ mệnh là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, có chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ giáo dục đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước. Tầm nhìn đến năm 2045, Trường Đại học Hồng Đức là trường đại học thông minh, đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước; hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khối ASEAN và quốc tế. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên cần được trang bị kỹ năng số, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm khác, đặc biệt là năng lực đổi mới sáng tạo. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức là yếu tố then chốt, giúp họ thích nghi và phát triển trong môi trường làm việc hiện đại và cạnh tranh. Bài viết này sẽ tổng quan các nghiên cứu về năng lực đổi mới sáng tạo, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức, từ đó đưa ra các đề xuất và giải pháp nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, góp phần vào sự phát triển bền vững của Nhà trường và xã hội.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu về năng lực đổi mới sáng tạo

Luật Khoa học và Công nghệ của Việt Nam (2013) xác định đổi mới sáng tạo là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa. Năng lực đổi mới sáng tạo của cá nhân được định nghĩa là sự kết hợp của các tố chất, kiến thức và kỹ năng để sáng tạo ra những ý tưởng mới và hữu ích. Năng lực không chỉ là yếu tố quan trọng trong việc tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới mẻ mà còn là cốt lõi của sự đổi mới và tiến bộ trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Trong nghiên cứu của Laura và cộng sự (2017) khẳng định vai trò quan trọng của nội dung kiến thức trong việc phát triển năng lực đổi mới sáng tạo. Không chỉ là những kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực cụ thể mà mỗi cá nhân hoặc tổ chức sở hữu, mà còn là sự đa dạng và phong phú của kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Việc hiểu và áp dụng kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau không chỉ mở rộng tầm nhìn và hiểu biết của cá nhân, mà còn tạo ra một môi trường giàu sức sáng tạo và đổi mới. Bằng cách kết hợp và tích hợp các kiến thức từ nhiều nguồn, cá nhân và tổ chức có khả năng phát triển những giải pháp mới, đưa ra những ý tưởng độc đáo và tạo ra giá trị mới cho xã hội và thị trường [12].

Trong nghiên cứu về nâng cao hệ sinh thái sáng tạo tại các trường đại học, Gontareva và cộng sự (2022) đã nhấn mạnh rằng điều kiện quan trọng nhất để phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các trường đại học là có sự tập trung của nhiều nhà nghiên cứu (bao gồm cả giảng viên và sinh viên) có năng lực và trình độ cao, người đã hoặc có tiềm năng trở thành tác giả của các ý tưởng mới và thành công trong việc thương mại hóa chúng. Tuy nhiên, việc thiếu kiến thức cơ bản về thương mại hóa tri thức và kỹ năng khởi nghiệp của sinh viên đã gây trở ngại cho việc chuyển đổi nhiều ý tưởng thành sản phẩm hoàn thiện để thương mại hóa trên thị trường [10] .

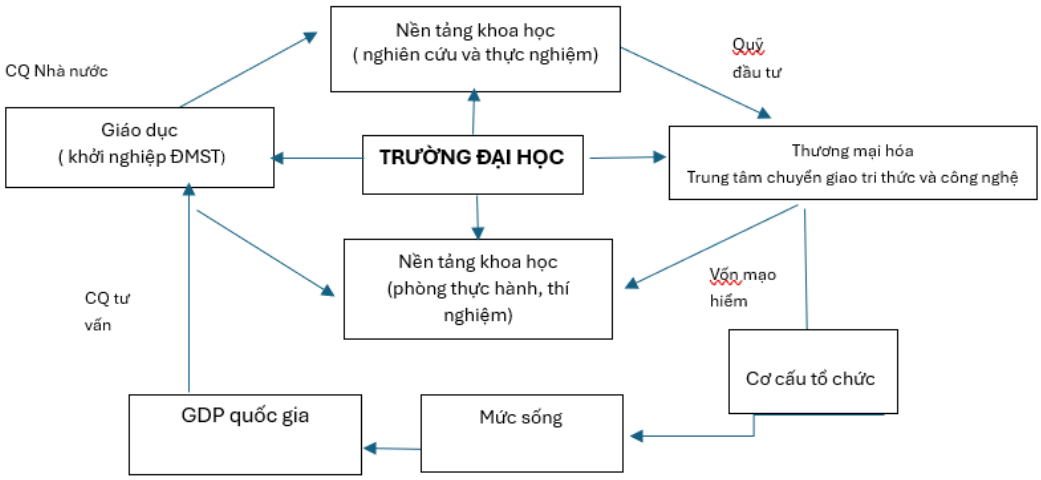


**Mô hình 1. Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong phát triển đại học**

*(Nguồn: Improvement of the innovative ecosystem at universities, Eastern-European Journal of Enterprise Technologies, 2022 [10])*

### 2.2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất

Năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên không chỉ phản ánh khả năng tiếp thu kiến thức mà còn bao gồm việc phát triển các kỹ năng, năng lực, và thái độ quan trọng. Trong lĩnh vực giáo dục, đổi mới sáng tạo được coi là một phần không thể thiếu của quá trình sư phạm, không chỉ liên quan đến việc cải thiện học tập của sinh viên mà còn ảnh hưởng đến phụ huynh, giáo viên, và các nhà quản lý giáo dục. Điều này cho thấy năng lực đổi mới sáng tạo không chỉ là việc tạo ra giá trị mới từ kiến thức sẵn có mà còn là việc ứng dụng và áp dụng giá trị đó vào thực tế để đáp ứng nhu cầu và mục tiêu cụ thể [14].

Trường đại học là trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ, cung cấp tri thức và nguồn lực cho cộng đồng ĐMST. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường và xã hội, các trường đại học cần tăng cường các chương trình đào tạo về khởi nghiệp và sáng tạo, đảm bảo sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết, khơi dậy tinh thần ĐMST. Đồng thời, cần phát triển thêm nguồn lực và thị trường hỗ trợ cho các hoạt động khởi nghiệp và sáng tạo, cũng như tăng cường hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực cho hệ sinh thái ĐMST trong nước.

Trong quá trình học, sinh viên phát triển khả năng đổi mới sáng tạo qua việc nhận thức và phát triển kỹ năng, thái độ thông qua não bộ, bao gồm thái độ tích cực, động lực, tự đánh giá và kỹ năng giao tiếp, cộng tác. Điều này cần sự hỗ trợ từ giáo dục đại học thông qua cải tiến về công nghệ, tài chính và yếu tố xã hội [15].

Năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên gồm có kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để học và làm việc, giúp họ tạo ra giá trị mới và áp dụng kiến thức vào thực tế để đáp ứng các mục tiêu cụ thể. Các nghiên cứu của Tierney và cộng sự (1999), Eder và Sawyer (2008) đã cung cấp cơ sở cho việc phát triển mô hình về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng đổi mới sáng tạo của cá nhân. Mô hình này bao gồm động lực nội tại, tự chủ trong sáng tạo, phong cách tư duy sáng tạo và môi trường hỗ trợ sáng tạo đến năng lực đổi mới sáng tạo của cá nhân [9][13]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã áp dụng các nhân tố này để đánh giá

ảnh hưởng đến khả năng đổi mới sáng tạo của sinh viên tại Trường Đại học Hồng Đức và đề xuất mô hình về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng đổi mới sáng tạo của sinh viên chính quy trong Nhà trường.

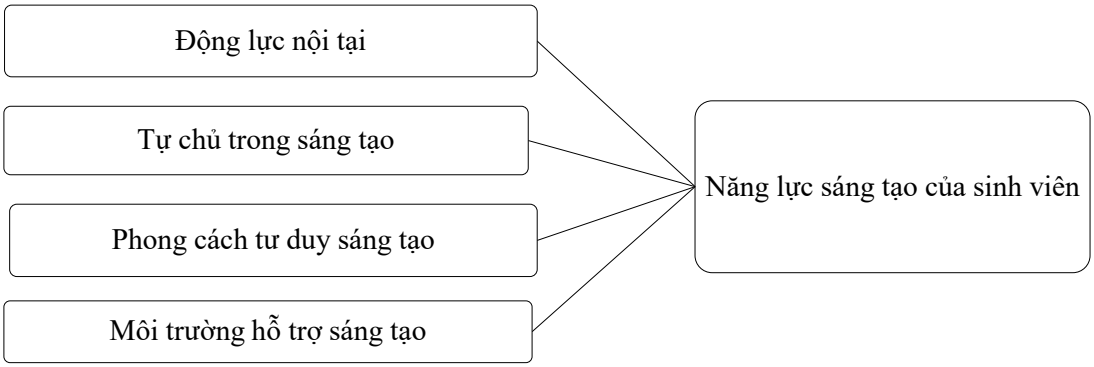


**Hình 2. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực số của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức**

Động lực nội tại đề cập đến sự thúc đẩy bởi đam mê, yêu thích và mong muốn thực hiện các nhiệm vụ tư duy, phân tích và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo [7]. Sinh viên với động lực nội tại này sẽ có xu hướng thích thú hơn với quá trình sáng tạo, làm tăng năng lực đổi mới sáng tạo của họ. Động lực nội tại được coi là động lực cơ bản cho sự sáng tạo ở mức độ cá nhân. Do đó, giả thuyết H1 của mô hình nghiên cứu có thể được sự đề xuất như sau:

*H1: Động lực nội tại (DLNT) có ảnh hưởng cùng chiều đến năng lực sáng tạo của sinh viên*

Theo Eder và Sawyer (2008), tự chủ trong sáng tạo giúp cá nhân cảm thấy tự tin đối diện với rủi ro khi sáng tạo và nỗ lực tìm ra cách thức mới để hoàn thành công việc [9]. Do đó, tự chủ trong sáng tạo được xem là một yếu tố quan trọng đối với năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên trong tổ chức, vì nó tạo ra và duy trì niềm tin và kỳ vọng vào khả năng sáng tạo của sinh viên, từ đó thúc đẩy họ hành động.

*H2: Tự chủ trong sáng tạo (TCST) có ảnh hưởng cùng chiều đến năng lực sáng tạo của sinh viên*

Người có tư duy theo lối thích ứng thường chấp nhận và giải quyết công việc bằng những giải pháp đã có, trong khi người có phong cách tư duy theo lối sáng tạo thường sẵn lòng đối mặt với rủi ro và không đi theo cách làm đã có, mà thay vào đó, họ tìm kiếm và phát triển những giải pháp mới và có giá trị hơn.

*H3: Phong cách tư duy sáng tạo (PCST) có ảnh hưởng cùng chiều đến năng lực sáng tạo của sinh viên*

Sự sáng tạo của sinh viên thường phản ánh trong môi trường học tập, và điều này thường phụ thuộc vào mức độ hỗ trợ từ nhà trường. Woodman và cộng sự (1993) đã nêu các yếu tố của môi trường hỗ trợ năng lực đổi mới sáng tạo, bao gồm lãnh đạo công bằng và hợp tác, cơ cấu tổ chức linh hoạt, việc tập hợp nhóm đa dạng, và đào tạo tập trung vào phát triển ý tưởng và kỹ năng giải quyết vấn đề [16] . Trong khi đó, Stukalenko và cộng sự (2016) tập trung vào sự hỗ trợ từ đồng nghiệp và người giám sát, bao gồm việc thể hiện quan tâm đến cảm xúc và vấn đề của sinh viên cũng như cung cấp đóng góp và phản hồi [14].

*H4: Môi trường hỗ trợ sáng tạo (MTHT) của tổ chức có ảnh hưởng cùng chiều đến năng lực sáng tạo của sinh viên*

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này kết hợp cả phương pháp định tính và định lượng để xây dựng một mô hình khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên. Phần định tính là phỏng vấn 6 chuyên gia giáo dục để xây dựng thang đo, trong khi phần định lượng gửi khảo sát đến 500 sinh viên chính quy từ 12 khoa khác nhau. Dữ liệu thu thập sẽ được xử lý theo quy trình nghiên cứu định lượng và tiến hành phân tích để hiểu rõ hơn về ảnh hưởng của các yếu tố đó đối với sự đổi mới sáng tạo của sinh viên.

*2.3.1. Chọn mẫu thu thập dữ liệu sơ cấp*

Trong phân tích hồi quy đa biến, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được được tính theo công thức 50 + 8m (với m là số biến độc lập). Với 25 biến quan sát được xây dựng trong mô hình của nghiên cứu này thì kích thước mẫu tối thiểu là 50 + 825 = 250 mẫu. Vì vậy, để đảm bảo tính khách quan và tin cậy, chúng tôi đã lựa chọn một mẫu nghiên cứu định lượng chính thức với 500 phiếu. Kết quả thu về gồm 486 phiếu, trong đó có 21 phiếu không hợp lệ. Vì vậy, 465 phiếu hợp lệ sẽ được sử dụng để phân tích dữ liệu chính thức.

Mẫu được chọn trong nghiên cứu định lượng bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo tổ (theo 12 khoa đào tạo hiện nay của Nhà trường). Lý do lựa chọn phương pháp này là để giảm thiểu sự thiên vị trong quá trình chọn mẫu và đảm bảo rằng sinh viên từ tất cả các khoa đều được khảo sát.

*2.3.2. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu*

Dữ liệu thu thập từ bảng câu hỏi khảo sát định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 để đánh giá hệ số Cronbach's alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA. Sau đó, tác giả sử dụng mô hình hồi quy bội để phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên chính quy Trường Đại học Hồng Đức.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Kết quả đánh giá độ tin cậy của các thang đo và phân tích nhân tố khám phá

Các thang đo được kiểm định độ tin cậy bằng công cụ Cronbach's Alpha. Kết quả phân tích EFA cho thấy chỉ số KMO là 0,893 (> 0,5); phương sai trích bằng 63,411 % (> 50%) điều này có nghĩa rằng cả 8 nhân tố này giải thích được 63,411 % biến thiên của dữ liệu; điểm dừng trong phân tích nhân tố EFA bằng 1,342 > 1; kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0,05). Do đó, có thể kết luận các chỉ số trong nghiên cứu đạt tiêu chuẩn phân tích EFA.

### 3.2. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình hồi quy được xây dựng với biến phụ thuộc là năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên và 4 nhóm biến độc lập là các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên. Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình được thể hiện trong bảng 1 và bảng 2 như sau:

**Bảng 1. Tóm tắt mô hình hồi quy**

| Mô hình | Giá trị R | Giá trị $R^2$ | Giá trị $R^2$ hiệu chỉnh | Sai số tiêu chuẩn của ước lượng | Hệ số Durbin-Watson |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 0,729[a] | 0,531 | 0,524 | 0,52717 | 1,894 |
| Predictors: (Constant), TCST, DLNT, PCST, MTHT<br>Dependent Variable: NLDMST | | | | | |

*(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm nghiên cứu)*

**Bảng 2. Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy**

| Mô hình | | Tổng bình phương | df | Mean Square | F | Sig. |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Regression | 20,807 | 4 | 5,202 | 19,134 | .000b |
| | Residual | 21,477 | 79 | 0,272 | | |
| | Total | 42,284 | 83 | | | |

*(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)*

Kết quả từ bảng 2 cho thấy giá trị Sig. = 0.000 < 0.05, nên mô hình hồi quy là phù hợp ở độ tin cậy 95%, giá trị R - Square = 0,531 (bảng 1); cho biết 53,1% sự thay đổi năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên chính quy Trường Đại học Hồng Đức là do các biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 46,9% do sự thay đổi của các yếu tố khác ngoài mô hình. Ngoài ra, Hệ số Durbin Watson (bảng 2) là 1,894 (nằm trong khoảng từ 1 đến 3) nên mô hình hồi quy bội thỏa mãn điều kiện không có khuyết tật tự tương quan. Kết quả ở bảng 3 cũng cho thấy giá trị của các hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 10. Như vậy, các biến độc lập không có tương quan với nhau, nên mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập.

Kết quả phân tích hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức.

**Bảng 3. Kết quả ước lượng mô hình**

| Biến độc lập | Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá | | Hệ số hồi quy đã chuẩn hoá (Beta) | Gia trị tới hạn (t) | Mức ý nghĩa thống kê (Sig.) | Hệ số phóng đại phương sai (VIF) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | B | Sai số tiêu chuẩn | | | | |
| Hằng số | ,067 | 0,452 | | 0,148 | 0,883 | |
| TCST | 0,078 | 0,103 | 0,063 | 0,755 | 0,452 | 0,922 |
| DLNT | 0,307 | 0,089 | 0,312 | 3,456 | 0,001 | 0,787 |
| PCST | 0,156 | 0,086 | 0,167 | 1,818 | 0,073 | 0,763 |
| MTHT | 0,443 | 0,079 | 0,470 | 5,626 | 0,000 | 0,920 |
| Biến phụ thuộc: NLDMST | | | | | | |

*(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)*

Từ kết quả ước lượng mô hình (bảng 3), mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức được mô tả như sau:

*NLDMST = 0,063 TCST +0,312 DLNT +0,167 PCST + 0,470 MTHT*

Kết quả ước lượng cho thấy, có ba nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức là: động lực nội tại (DLNT), môi trường hỗ trợ

sáng tạo (MTHT), và phong cách sáng tạo (PCST). Trong đó, kết quả nghiên cứu đã chứng minh một mối quan hệ tích cực giữa động lực nội tại và năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên với hệ số β = 0,312. Trong thực tế, động lực nội tại của sinh viên được xem là một yếu tố quan trọng, đóng vai trò thúc đẩy sự sáng tạo bởi vì nó kích thích sinh viên tham gia vào các hoạt động sáng tạo và tìm kiếm giải pháp mới cho các vấn đề. Điều này chỉ ra rằng sự đam mê và động lực nội tại giúp sinh viên vượt qua các thách thức và tìm ra cách tiếp cận sáng tạo để giải quyết các vấn đề. Kết quả ước lượng cũng cho thấy môi trường hỗ trợ sáng tạo của tổ chức là yếu tố có tác động lớn nhất đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên trong mô hình (β = 0,470). Sự hỗ trợ từ môi trường học tập không chỉ cung cấp điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của sinh viên mà còn tạo ra sự khích lệ và động viên cho họ thử nghiệm và khám phá ý tưởng mới. Điều này làm nổi bật tầm quan trọng của các cơ sở giáo dục trong việc cung cấp không gian và nguồn lực để sinh viên có thể tự do phát triển sự sáng tạo của mình. Phong cách sáng tạo là nhân tố thứ ba ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên (β = 0,167). Phong cách sáng tạo của sinh viên phản ánh cách họ tiếp cận và giải quyết vấn đề, và trong một môi trường hỗ trợ sáng tạo, phong cách sáng tạo có thể được khuyến khích và phát triển để tạo ra một văn hóa sáng tạo.

## 4. KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có ba yếu tố quan trọng tác động tích cực đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức. Đó là môi trường hỗ trợ sáng tạo của tổ chức, động lực nội tại và phong cách sáng tạo. Trong đó, môi trường hỗ trợ sáng tạo của tổ chức là yếu tố có tác động lớn nhất đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên trong mô hình. Dựa trên kết quả này, các tác giả đề xuất một số kiến nghị để nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên, bao gồm:

*Tạo môi trường đổi mới sáng tạo*

Nhà trường cần tạo ra không gian làm việc chia sẻ và trang bị các thiết bị hiện đại để sinh viên có thể thực hiện ý tưởng sáng tạo của mình một cách dễ dàng. Một môi trường thuận lợi và đầy đủ trang thiết bị sẽ tạo điều kiện cho sinh viên cảm thấy tự tin hơn khi thực hiện các dự án sáng tạo.

Thêm vào đó, Nhà trường cần phát triển các cơ chế và chính sách khuyến khích sự sáng tạo. Một phương pháp hiệu quả là đánh giá và tính điểm cho các hoạt động sáng tạo của sinh viên, thay vì chỉ tập trung vào kết quả học tập truyền thống. Bổ sung các tiêu chí đánh giá rèn luyện cũng cần được thực hiện để đánh giá khả năng sáng tạo và tinh thần đổi mới của sinh viên, thúc đẩy họ phát triển năng lực này trong quá trình học tập và làm việc.

*Tổ chức các chương trình tập huấn thúc đẩy năng lực đổi mới sáng tạo*

Trong môi trường giáo dục ngày nay, việc tổ chức các chương trình tập huấn nhằm thúc đẩy năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên là rất quan trọng. Những chương trình này giúp sinh viên phát triển kỹ năng sáng tạo và giải quyết vấn đề thông qua việc tập trung vào kỹ năng tư duy sáng tạo, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, và sử dụng công cụ mới. Chương trình cũng cần đa dạng hóa với các chủ đề như thiết kế sáng tạo, công nghệ mới, nghệ thuật, âm nhạc, hoặc thể thao. Quan trọng là cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành và áp dụng kiến thức thông qua buổi thực hành, dự án thực tế, và cuộc thi sáng tạo.

*Xây dựng phong cách làm việc nhóm và văn hóa dân chủ trong Nhà trường*

Để khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới, giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho sinh viên tự phát triển. Việc thúc đẩy thảo luận và chia sẻ ý kiến trong các bài tập phức tạp giúp sinh viên học hỏi từ nhau và tự tin tham gia vào giải quyết vấn đề. Phong cách làm việc nhóm trong một môi trường dân chủ không chỉ là giao tiếp và hợp tác, mà còn là tôn trọng và lắng nghe ý kiến của mỗi thành viên. Áp dụng các phương pháp như hội thảo, thảo luận nhóm, hoặc trò chơi mô phỏng khuyến khích sự tương tác và trao đổi ý kiến giữa sinh viên. Một môi trường dân chủ tạo ra sự thoải mái để sinh viên tự do thể hiện ý kiến và đóng góp ý tưởng một cách tự nhiên.

*Xây dựng khung năng lực đổi mới sáng tạo*

Khung năng lực này sẽ không chỉ tập trung vào việc phát triển tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, mà còn bao gồm việc xây dựng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, khả năng thích nghi và tự học, kỹ năng lãnh đạo và quản lý dự án. Đồng thời, việc tạo cơ hội hợp tác với doanh nghiệp và tổ chức cũng là một phần quan trọng của khung năng lực này, nhằm giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tiễn và thúc đẩy sự đổi mới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO


[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quyết định số 1230/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2018 ban hành kế hoạch triển khai Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025"*.

[2] Đào Thu Huyền cộng sự (2022), *Đo lường năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên cơ sở Quảng Ninh - Trường Đại học Ngoại Thương*, FTU Working Paper Series, (2)2:21

[3] Đỗ Anh Đức (2020), *Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp 4.0,* Tạp chí Kinh tế và Quản lý, (33):57-60.

[4] Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025".*

[5] Trường Đại học Hồng Đức (2016), *Quyết định số 2797/QĐ-ĐHHĐ ngày 10/11/2016 về quyền sở hữu trí tuệ.*

[6] UBND tỉnh Thanh Hóa (2021), *Quyết định số 448/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025*.

[7] Amabile, T. M. (1996), *Creativity and Innovation in organisations*, Harvard Business School.

[8] Bozic, N. (2017), *Integrated model of innovative competence*, Journal of Creativity and Business Innovation, (3):140-169.

[9] Eder, P. J., Sawyer, J. (2008), *The power to be creative at work: Examining the componential model of employee creativity*, Paper presented at the Eastern Academy of Management Annual Conference in Washington, DC.

[10] Gontareva, I., Litvinov, O., Hrebennyk, N., Nebaba, N., Litvinova, V., Chimshir, A. (2022), *Improvement of the innovative ecosystem at universities. Eastern-European Journal of Enterprise Technologies*, 1(13 (115)):59-68.

[11] Kairisto-Mertanen, L., Räsänen, M., Lehtonen, J., Lappalainen, H. (2012), *Innovation Pedagogy - Learning through Active Multidisciplinary Methods*, Revista de Docencia Universitaria, REDU, 10(1):67-86.

[12] T Laura, X., Smith, Y., Johnson, Z. (2017), *Vai trò của nội dung kiến thức trong việc phát triển năng lực đổi mới sáng tạo,* Tạp chí Quản lý Kiến thức, 21(2):123-145. doi:10.1108/JKM-04-2016-0157.

[13] Tierney, P., Farmer, S. M. (2004), *The Pygmalione process and employee creativity*. Journal of Management, 30(3):413-432.

[14] Stukalenko, N. M., Zhakhina, B. B., Kukubaeva, A. K., Smagulova, N. K., Kazhibaeva, G. K. (2016), *Studying innovation technologies in modern education,* International Journal of Environmental and Science Education, 11(15):7297-7308.

[15] Walder, A. M. (2014), *The concept of pedagogical innovation in higher education.* Education Journal, 3(3):195-202.

[16] Woodman, R. W., Sawyer, J. E., Griffin, R. W. (1993), *Toward a theory of organization creativity. Academy of Management Review*, 18(2):293-321.

# IMPROVING THE INNOVATION CAPACITY OF HONG DUC UNIVERISTY STUDENTS

**Le Thi Thuy Linh, Nguyen Thi Thanh Hai**

ABSTRACT

*The study focuses on assessing the creative innovation capability of regular students at Hong Duc University through analyzing a multivariate regression model based on a survey sample of 500 students. The results indicate three selected factors positively influencing the innovation capability of regular students at the university. Among these factors, the organization's support ive environment is identified as having the greatest impact on students' innovation capability in the model. Based on the study's results, the authors propose several solutions to enhance students' innovation capability in the future.*

**Keywords:** *Innovation capability, influential factors, students, Hong Duc University.*

** Ngày nộp bài: 16/5/2024; Ngày gửi phản biện: 17/5/2024; Ngày duyệt đăng: 13/6/2024*